TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH HẢI DƯƠNG** ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số: **16**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: **23/5/2019**.
"V/v Ly hôn và nuôi con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH HẢI DƯƠNG

- *Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Trương Thị Tố Uyên**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Vũ Thị Khuôn** và bà **Nguyễn Thị Liên**

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:* Bà ***Nguyễn Hoàng Phương*** - Thư ký Tòa án-Tòa án nhân dân thành phố H.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên toà:* Bà ***Đinh Thu Thủy*** - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 655/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2018 về việc *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2019/QĐXX ngày 22/4/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2019/QĐXX ngày 07/5/2019 của Tòa án nhân dân thành phố H, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Ng**, sinh năm 1971.

Đăng ký hộ khẩu: Thôn Thanh L, xã Tân H, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Hiện cư trú tại Đội 4, khu dân cư Phú T, phường Thạch K, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Huy Đ**, sinh năm 1972.

Đăng ký hộ khẩu và cư trú: Thôn Thanh L, xã Tân H, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

(Bà Ng có mặt tại phiên tòa; ông Đ vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Ng trình bày:

1. Về quan hệ vợ chồng: Bà với ông Đ tự do tìm hiểu nhau khoảng một thời gian ngắn thì được hai bên gia đình tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân H, huyện Tứ L, tỉnh Hải Hưng vào ngày 31/10/1991. Sau khi kết hôn chúng tôi sống hạnh phúc với nhau được một vài năm đầu thì phát

sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau về mọi mặt trong cuộc sống. Mặt khác, do vợ chồng không có công ăn việc làm ổn định, kinh tế khó khăn, đông con nên thường xuyên xảy ra việc cãi vã. Ông Đ thường xuyên miệt thị, coi thường, đánh đập và đuổi bà ra khỏi nhà, bà đã cố gắng chịu đựng để nuôi dạy các con khôn lớn, nhưng càng ngày ông Đ càng cư xử tồi tệ với bà. Để cải thiện kinh tế gia đình, Đ thời tạo cơ hội cho ông Đ sửa chữa khuyết điểm nên bà quyết định đi lao động ở Đài Loan, trong suốt thời gian bà đi làm giúp việc cực khổ, tủi nhục hàng tháng bà đều gửi tiền cho ông Đ để nuôi các con ăn học và cải tạo tu sửa nhà ở. Tuy nhiên, ông Đ đã sử dụng số tiền tôi gửi về để ăn chơi, cờ bạc, lô đề, rượu chè, không chăm sóc, nuôi dưỡng các con. Khi bà đi lao động phải dứt ruột xa con nhỏ nhất của bà mới 14 tháng tuổi; thông qua hai bên gia đình và bạn bè, bà được biết sự việc rõ hơn về ông Đ, bà đã gọi điện thoại về cho ông Đ khuyên giải nhiều lần nhưng không có hiệu quả. Khi bà về nước tận mắt chứng kiến sự việc đau lòng, các con bị bỏ bê, nhà cửa không toang hoang không tu sửa được gì. Ngoài ra, các con bà còn cho biết, trong cuộc sống hàng ngày ông Đ còn đối xử tàn ác với các con, mỗi khi đi uống rượu đêm khuya mới về nhà, sau đó bắt các con quỳ gối dưới nền nhà đến sáng không cho chúng ngủ. Mặt khác, ông Đ còn nợ nần khắp nơi, hiện nay không ở nhà cố định được ngày nào, đi từ sáng sớm đến nửa đêm khuya mới về nhà, đi đâu bà không biết. Vì những lý do trên, bà quyết định về nhà bố mẹ đẻ ở nhờ thì ông Đ thường xuyên xuống đe dọa giết chết bà, bà không có ý định trở về đoàn tụ vợ chồng với ông Đ, vợ chồng ly thân nhau từ năm 2004. Nay bà xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông Đ, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đ để đảm bảo tính mạng cho mẹ con bà.

2. Về con chung: Bà Ng xác định vợ chồng bà có 04 con chung là Nguyễn Thị N, sinh ngày 07/01/1991; Nguyễn Thị Hồng T, sinh ngày 22/8/1994, Nguyễn Thị Đ1, sinh ngày 22/7/1997 và Nguyễn Huy Q, sinh ngày 30/11/2002. Các con là N, T và Đ1 đều đã trưởng thành bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn con là Q bà có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con, tự nguyện không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng cùng bà.

3. Về tài sản chung: Bà xác định vợ chồng có thửa đất diện tích 350m^2 tại Thôn Thanh L, xã Tân H, thành phố H, trên diện tích đất có xây dựng 01 ngôi nhà 03 gian mái bằng vào năm 1993. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án bà đã có yêu cầu chia tài sản chung nhưng sau đó bà đã tự nguyện xin rút yêu cầu trên đã được Tòa án đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung. Nay bà giữ nguyên quan điểm không đề nghị Tòa án giải quyết chia tài sản chung của vợ

chồng. Bà xác định vợ chồng không ai có tài sản riêng, không nợ chung ai và công sức đóng góp với hai bên gia đình nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí: Bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, đã gửi thông báo về việc thụ lý vụ án và triệu tập cho ông Đ nhiều lần nhưng ông Đ không đến Trụ sở Tòa án làm việc theo giấy triệu tập. Bà Ng cam đoan khi bà gửi đơn ly hôn ông Đ, ông Đ có mặt và sinh sống tại địa chỉ Thôn Thanh L, xã Tân H, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Tuy nhiên, do ông Đ nợ nần nhiều, Đ thời gây khó khăn cản trở việc bà xin ly hôn ông nên ông cố ý không có mặt ở nhà vào ban ngày, đi từ sáng sớm đến đêm khuya mới về nhà, ông Đ đi đâu, làm gì bà không biết. Do ông Đ không chấp hành pháp luật theo Giấy triệu tập của Tòa án nên bà đề nghị Tòa án tiến hành xác minh mâu thuẫn vợ chồng tại khu dân cư Thôn Thanh L, xã Tân H, thành phố H, tỉnh Hải Dương để có căn cứ giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tòa án tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ thì, thông qua lời khai của cụ Phạm Thị L là mẹ đẻ của ông Đ xác định: *"Chị Ng là con dâu, anh Đ là con trai của tôi, các con tôi lấy nhau có đăng ký kết hôn vào năm 1991. Do đông con, kinh tế gia đình khó khăn nên trong cuộc sống có xảy ra nhiều mâu thuẫn, chị Ng xin đi làm giúp việc ở Đài Loan, anh Đ ở nhà nhưng không chịu khó làm ăn, nuôi con. Do vậy, khi chị Ng về nước vợ chồng không chung sống với nhau, sau đó chị Ng gửi đơn xin ly hôn anh Đ. Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, con trai tôi biết nhưng thể hiện quan điểm không muốn bỏ vợ nên từ chối đến Trụ sở Tòa án làm việc, tôi đã khuyên giải anh Đ nhưng không có hiệu quả, chị Ng và anh Đ đã ly thân nhau mỗi người ở một nơi, chị Ng ở nhà bố mẹ đẻ, anh Đ ở nhà của vợ chồng, khi đi khi về, hôm thì đi từ sáng sớm nửa đêm mới về nhà, đi đâu, làm gì tôi không biết. Nay chị Ng có đơn xin ly hôn anh Đ, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo nguyện vọng của chị Ng".*

Tại biên bản lấy lời khai các con chung của bà Ng và ông Đ đều xác định trước khi bà Ng đi lao động Đài Loan, vợ chồng bà Ng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, khi bà đi lao động tại Đài Loan ông Đ ở nhà không tu chí làm ăn nuôi các con, suốt ngày cờ bạc, lô đề, nợ nần để các con nợ đến nhà đe dọa các con, bản thân ông Đ cũng hành hạ các con. Tuy nhiên, kể từ khi bà Ng về nước ông Đ đã nhiều lần đe dọa đánh, giết chết bà Ng nên bà đã phải bỏ về nhà ngoại ở nhờ.

Tại biên bản xác minh ngày 19/4/2019 tại UBND xã Tân H, thành phố H được trưởng thôn, đại diện phụ nữ thôn và công chức tư pháp của xã đều xác định ông Đ và bà Ng là công dân của thôn Thanh L, là vợ chồng hợp pháp lấy nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân H. Do điều kiện gia đình đông

con, kinh tế khó khăn nên bà Ng đi lao động làm giúp việc ở Đài Loan, ông Đ sinh sống tại thôn Thanh L. Tuy nhiên, trong thời gian bà Ng vắng nhà ông Đ không tu chí làm ăn mải chơi bời, thích thì làm, không thích thì đi chơi không chăm lo cho các con cái. Không ai có thể góp ý khuyên bảo được ông Đ thay đổi lối sống riêng của ông Đ. Bà Ng là người phụ nữ tần tảo, biết chăm lo cho gia đình, sống vì chồng vì con, biết chịu đựng nhẫn nhịn nhưng cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên bà mới đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Hiện nay ông Đ vẫn sinh sống tại thôn Thanh L nhưng nửa đêm mới về nhà, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo pháp luật, giải thoát cho cả hai sớm được ổn định cuộc sống mới, vợ chồng bà Ng ông Đ khó có thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng vì bà Ng đã phải chịu đựng nhiều năm nay.

Tại phiên toà hôm nay, bà Ng giữ nguyên quan điểm đề nghị Toà án xử cho bà ly hôn với ông Đ; có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con là Nguyễn Huy Q, tự nguyện không yêu cầu ông Đ phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng bà. Ngoài ra bà không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

* Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội Đ xét xử:

Thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, thẩm quyền, nội dung theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội Đ xét xử đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tại phiên tòa sơ thẩm được qui định tại Điều 48 BLTTDS; Thư ký thực hiện đúng theo Điều 51 của BLTTDS và các quy định khác của pháp luật.

- Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71 của BLTTDS; Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 72 của BLTTDS.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội Đ xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ng, cho bà Ng được ly hôn với ông Nguyễn Huy Đ. Giao cho bà Ng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con là Nguyễn Huy Q, sinh ngày 30/11/2002; kể từ tháng 05/2019 cho đến khi con tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của bà Ng không yêu cầu ông Đ phải cấp dưỡng tiền nuôi con cùng bà; Về án phí: Bà Ng phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, đương sự trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Hội Đ xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng tại gia đình ông Đ, trụ sở UBND xã Tân H và tại Tòa án thành phố H để giải quyết vụ án theo qui định của pháp luật. Tuy nhiên, ông Đ vẫn không chấp hành pháp luật vắng mặt không có lý do. Từ đó, xác định Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thời hạn tố tụng, đã tiến hành giải quyết vụ án đảm bảo tính hợp lệ việc tống đạt, thông báo văn bản tố tụng đối với các đương nhằm bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cũng như tạo điều kiện cho các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình. Do vậy, Hội Đ xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn phù hợp với qui định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân và căn cứ giải quyết vụ án:* Xác định bà Ng và ông Đ tự do tìm hiểu trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân H, huyện Tứ L, tỉnh Hải Hưng vào ngày 31/10/1991 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một vài năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau. Mặt khác, do hoàn cảnh gia đình kinh tế khó khăn, đông con *(4 con),* ông Đ không có công ăn việc làm ổn định nhưng không chịu khó làm ăn, chỉ mải chơi bời nên vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh cãi chửi nhau. Để cải thiện tình cảm vợ chồng và bớt phần khó khăn về kinh tế gia đình nên bà Ng đi lao động tại Đài Loan trong khi con nhỏ nhất mới 14 tháng tuổi. Hàng tháng bà có gửi tiền lương về cho ông Đ nhận với mục đích để nuôi dưỡng các con nhưng ông Đ đã không thực hiện mà sử dụng lo cho bản thân mình, chơi bời dẫn đến nợ nần. Bà Ng điện thoại khuyên giải nhiều ông Đ nhưng không có hiệu quả. Khi bà Ng về nước hẳn để vợ chồng được đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy các con thì bà chứng kiến cảnh ông Đ nợ nần, các con nợ đến đòi hàng ngày. Để đảm bảo cho tính mạng của bà và các con nên bà đã về nhà bố mẹ đẻ của bà ở nhờ thì ông Đ đến đe dọa đánh đập, giết chết bà. Hành động và những lời đe dọa của ông Đ được chứng minh bằng các lời khai của chính các con đẻ của ông Đ, lời trình bày của các tổ chức xã hội tại địa phương nơi cư trú của bà Ng và ông Đ. Mặt khác, theo quy định của Luật Hôn nhân gia đình thì vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, có nghĩa vụ sống chung với nhau. HĐXX xét thấy, bà Ng và ông Đ không thực hiện được các nghĩa vụ trên. Từ đó, khẳng định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt

được, bà Ng xác định tình cảm vợ chồng với ông Đ không còn nên cần xử cho bà Ng được ly hôn với ông Đ là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] *Về con chung:* Vợ chồng bà Ng có 04 con chung, trong đó có 03 con lớn đều đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết. Con nhỏ là Nguyễn Huy Q, sinh ngày 30/11/2002. Theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, sau khi ly hôn vợ chồng vẫn có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên. Trong vụ án này, bà Ng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con vì thực tế trước khi bà đi lao động Đài Loan bà đã gửi bố mẹ đẻ của bà nuôi dưỡng con (Q) từ khi 14 tháng tuổi cho đến nay. Kể từ khi bà trở về nước bà đã và đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con. Nên, xét việc giao con chung là Q cho bà Ng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sẽ thuận lợi đảm bảo tốt cuộc sống, quyền lợi cho con về mọi mặt và phù hợp quy định của pháp luật. Việc bà Ng tự nguyện không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng tiền nuôi con chung. HĐXX thấy, tuy hiện nay bà Ng làm nghề tự do có mức thu nhập ổn định hàng tháng từ 12.000.000đ đến 15.000.000đ, có khả năng đảm bảo tốt cuộc sống cho con nên sự tự nguyện của bà Ng phù hợp pháp luật, cần chấp nhận.

[3] *Về tài sản chung:* Bà Ng xác định vợ chồng có tài sản chung là nhà đất tại Thôn Thanh L, xã Tân H, thành phố H, tỉnh Hải Dương, hiện nay ông Đ là người trực tiếp quản lý và sử dụng. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án bà đã đề nghị giải quyết về tài sản chung, sau đó bà có đơn tự nguyện rút không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, Tòa án đã đình chỉ giải quyết về tài sản chung của vợ chồng. Tại phiên tòa hôm nay bà xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này bà Ng có đơn yêu cầu giải quyết về tài sản chung thì Tòa án sẽ thụ lý giải quyết bằng một vụ án Dân sự khác.

[4] *Về tài sản riêng, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình hai bên:* Bà Ng xác định không có nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí:* Bà Ng phải chịu án phí sơ thẩm Hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho bà Nguyễn Thị Ng được ly hôn ông Nguyễn Huy Đ.

2. Về con chung: Xử giao con là Nguyễn Huy Q, sinh ngày 30/11/2002 cho bà Ng tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; kể từ tháng 05/2019 đến khi con đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của bà Ng không yêu cầu ông Đ phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Ông Nguyễn Huy Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ng phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số AA/2017/0002784 ngày 04 tháng 12 năm 2018 do bà Ng nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Hải Dương. Bà Ng đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Ng có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn (ông Đ) vắng mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- VKSND Thành phố H;
- Chi cục THA dân sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xó Tõn H, TPHD;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Trương Thị Tố Uyên